TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC-TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2023/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Đức, ngày 25 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* chị **Đào Thị N,** sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội 9, thôn B, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: thôn 2 L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn:* anh **Kiều Minh T,** sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội 9, thôn B, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị N và anh Kiều Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị N và anh Kiều Minh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54-2014, quyển số 01-2014 ngày 27/10/2014 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội cấp cho Kiều Minh T và Đào Thị N không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung; tài sản, công sức và nợ chung: chị Đào Thị N và anh Kiều Minh T xác nhận không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: chị Đào Thị N tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và sung quỹ Nhà nước 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0039291 ngày 14/4/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Bùi Đức Hiệp